

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LV
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13- 6- 2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.
2. Ông Lê Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 110, Khóm 4, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Ngọc N1, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 209, ấp 1, xã A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình xét xử, anh Lê Hoàng N trình bày là anh N và chị Huỳnh Ngọc N1 kết hôn với nhau vào năm 2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2009 của UBND thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống khoảng 01 năm thì chị N1 về nhà cha mẹ ruột sinh sống rồi bỏ nhà đi biệt tích đến nay. Năm 2017 anh N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp tuyên bố chị Huỳnh Ngọc N1 mất tích và ngày 22/3/2018 Tòa án nhân dân huyện LV chấp nhận đơn yêu cầu của anh N, tuyên bố chị N1 mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số: 05/2018/QĐDS-ST. Nay anh N yêu cầu ly hôn chị N1. Về nuôi con chung: Anh N và chị N1 không có con. Về chia tài sản, về nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc anh Lê Hoàng N khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Huỳnh Ngọc N1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh N và chị N1 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị N1 có địa chỉ cư trú cuối cùng tại số 209, ấp 1, xã A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật này được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Do vậy việc anh N và chị N1 đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2009 của UBND thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Tháp đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên sau khi kết hôn, vợ chồng anh N, chị N1 chung sống khoảng 01 năm thì xa nhau đến nay. Hành động và việc làm của chị N1 vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân giữa anh N và chị N1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ngày 22/3/2018 Tòa án tuyên bố chị N1 mất tích và pháp luật quy định vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do vậy yêu cầu ly hôn của anh N là có căn cứ, phù hợp khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa anh Lê Hoàng N và chị Huỳnh Ngọc N1.

[3] Về nuôi con chung: Anh N trình bày giữa anh N và chị N1 không có con chung.

[4] Về chia tài sản, về nợ: Anh N trình bày giữa anh N và chị N1 không có tài sản, không có nợ.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 19, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Hoàng N và chị Huỳnh Ngọc N1.

2. Về nuôi con chung: Anh N trình bày giữa anh N và chị N1 không có con chung.

3. Về chia tài sản, về nợ: Anh N trình bày giữa anh N và chị N1 không có tài sản, không có nợ.

4. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001518 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Anh N đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- UBND TT. V;
- Các đ/s;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Nguyễn Thị Thúy Hằng